

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày: 27-4-2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
góp hui*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Dự;

2/ Bà Võ Thị Thanh Thủy;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Phước Mãi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2017/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-DS, ngày 01/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS, ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Ngọc G**; sinh năm: 1984.(Có mặt).

Địa chỉ: Số xx, ấp H, thị trấn T, huyện C, tỉnh L.

2/ *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1977. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số xx, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G như sau:

Ngày 20/4/2015 bà Nguyễn Thị Thanh T có tham gia chơi hội do bà làm chủ, hội có hoa hồng. Hội 1.000.000đ/tháng, gồm 32 hội viên, hàng tháng khui hội vào ngày 20, mỗi hội ngày 20/11/2017, bà T tham gia 02 phần. Bà T tham gia chơi hội lấy tên L (đây là tên gọi ngoài của bà T).

- Khui hội lần 2 ngày 20/5/2015 bà T hốt được số tiền 22.900.000đ. Ngày 30/5/2015 bà giao cho bà T số tiền 21.670.000đ (giữa bà và bà T có thỏa thuận trừ tiền hoa hồng 500.000đ và phần tiền hội sống bà T phải đóng là 730.000đ). Phần hội này bà T có đóng cho bà số tiền hội sống là 800.000đ.

- Khui hội lần 6 ngày 20/9/2015 bà T hốt được số tiền 22.290.000đ. Ngày 30/9/2015 bà giao cho bà T số tiền 20.790.000đ (giữa bà và bà T thỏa thuận trừ tiền hoa hồng 500.000đ, trừ phần tiền hội chết bà T phải đóng là 1.000.000đ). Phần hội này bà T có đóng cho bà tổng cộng số tiền hội sống là 3.774.000đ.

Bà T phải đóng hội cho bà từ tháng 10/2015 với số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi kết thúc dây hội. Bà T đã đóng hội chết đến ngày 29/3/2017 thì ngưng, được số tiền 18 tháng x 2.000.000đ = 36.000.000đ.

Đến tháng 4/2017 thì bà T ngưng không có đóng hội chết cho bà nên phải choàng hội thay cho bà T. Hiện nay hội đã mãn, bà nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nợ hội nhưng bà T cứ hẹn trả và cố tình trốn tránh nên bà yêu cầu bà T hoàn trả số tiền hội còn nợ là từ tháng 4/2017 đến tháng 11/2017 là 8 tháng x 2.000.000đ = 16.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đồng thời, vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như phần tóm tắt nội dung vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ:

Về thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến

hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T trả số tiền hui còn nợ cho bà G là 16.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Ngọc G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền hui còn nợ là 16.000.000đ. Đây là tranh chấp về hợp đồng góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà G yêu cầu bà T trả số tiền góp hui còn thiếu là 16.000.000đ. Bà G có cung cấp 02 giấy giao hui ngày 30/5/2015 và ngày 30/9/2015; 01 Giấy có nội dung: “..Tôi xin hứa hàng tháng vào ngày 28, 29 tôi sẽ đóng cho bà G đầy đủ số tiền là 2.000.000đ” có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh T thể hiện bà T có tham gia chơi hui và hốt hui. Tòa án đã tiến hành niêm yết cho bà T thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, có căn cứ xác định hiện bà T còn nợ bà G tiền góp hui. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Xét bà T không đến Tòa án và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho mình xem như bà T từ chối việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Xét lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ

sở chấp nhận như đã nhận định ở trên. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền hui cho bà G là 16.000.000đ.

[4] Tại phiên tòa bà G xác định không yêu cầu bà T hoàn trả số tiền lãi tính từ khi hốt hui cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 471, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà Nguyễn Ngọc G số tiền góp hui còn thiếu là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Ngọc G, nếu chậm thi hành, bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải trả thêm tiền lãi cho bà Nguyễn Ngọc G theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ nhà nước.

- Bà Nguyễn Ngọc G không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 04954, ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa